

# GÓP PHẦN ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN TIỂU HỌC HỆ ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

ThS.LÊ VĂN ĐỨC - TS.NGUYỄN QUÝ THÀNH

Trường Đại học Quy Nhơn

**T**ừ năm học 2001-2002, ở bậc tiểu học chính thức triển khai đại trà chương trình (CT) mới theo hình thức cuốn chiếu, bắt đầu từ lớp 1, nhằm "hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kĩ năng cơ bản để học sinh tiếp tục học phổ thông cơ sở" (1).

Sự đổi mới CT kéo theo những thay đổi một loạt nhân tố khác của hoạt động giáo dục như tài liệu, phương pháp, phương tiện, hình thức dạy học; phương pháp tổ chức, quản lí, đánh giá giáo dục; việc đào tạo (ĐT), bồi dưỡng giáo viên (GV), v.v...

Trước thực tiễn giáo dục phổ thông, các trường sư phạm ĐTGV tiểu học cũng đã và đang tiến hành đổi mới CT và phương thức ĐT. Bên cạnh việc trung cầu rộng rãi ý kiến đóng góp cho *Dự thảo CT khung ĐTGV tiểu học hệ cao đẳng sư phạm* (2), Bộ cũng đang tiến hành thành lập Hội đồng xây dựng CT mới cho hệ đại học GDTH.

Xây dựng CT ĐT là việc lớn, đòi hỏi có sự tham gia của các nhà khoa học sư phạm, các nhà giáo, nhà quản lí giáo dục giỏi, giàu kinh nghiệm. Dưới đây, chúng tôi chỉ xin nêu một số ý nhỏ góp vào việc đổi mới CT ĐTGV tiểu học trình độ đại học.

Theo *Điều 67, Luật Giáo dục* (1998), trình độ chuẩn được ĐT của GV tiểu học là có bằng tốt nghiệp trung học sư phạm (có lẽ trong tương lai gần, chuẩn sẽ được nâng lên bậc CĐSP). Như vậy, trước mắt, ĐTGV tiểu học trình độ đại học thuộc dạng ĐT trên chuẩn, ĐTGV chất lượng cao. CT ĐHSP giáo dục tiểu học (GDTH) phải thể hiện rõ *tính đại học* so với CT CĐSP về mục tiêu, nội dung, phương pháp ĐT để có được chất lượng ĐT tương ứng.

## 1. Về mục tiêu

Bên cạnh việc giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe, cần tập trung hình thành năng lực nghề nghiệp cho SV. Sau khi tốt nghiệp đại học, sinh viên (SV) phải có được kiến thức chuyên môn cơ bản vững chắc, đồng thời có năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực được ĐT. Đây là điểm khác về mục tiêu của CT đại học với CT cao đẳng. *Luật Giáo dục* cũng thể hiện rõ điểm phân biệt này: CT đại học nhằm "giúp SV nắm vững kiến thức chuyên môn và kĩ năng thực hành

về một ngành nghề, có khả năng phát hiện, giải quyết những vấn đề thông thường thuộc chuyên ngành ĐT" (1). Trong khi đó, CT cao đẳng chỉ dừng lại ở mức giúp SV "có kiến thức chuyên môn và kĩ năng thực hành cơ bản về một ngành nghề, có khả năng giải quyết những vấn đề thông thường thuộc chuyên ngành ĐT" (1). Năng lực *phát hiện* và *giải quyết vấn đề* giúp con người có thể thích nghi và đáp ứng được những yêu cầu của thực tiễn. Chúng tôi nghĩ rằng đây là mục tiêu quan trọng nhất của ĐT nghề (tất nhiên không xem nhẹ các mục tiêu khác).

CT ĐHSP GDTH vừa có mục tiêu giúp SV sau khi ra trường có thể dạy tốt CT tiểu học mới, đồng thời hình thành ở họ năng lực *tự phát hiện, xử lí* những vấn đề đặt ra trong thực tiễn giáo dục. Nếu CT chỉ coi trọng việc cung cấp kiến thức khoa học cho SV thì khi ra trường họ vẫn cứ lúng túng, thiếu tự tin trước những thay đổi của thực tiễn giáo dục phổ thông. Chẳng hạn, trong tiếng Việt có một loại đơn vị được cấu tạo bởi loại từ (danh từ chỉ loại) và danh từ chung, ví dụ: con gà, cây ổi, cái thúng,... Sách **Tiếng Việt 4** cải cách, tập 2 (3) quan niệm là từ. Trong câu, có thể có bộ phận làm định ngữ đứng trước hoặc đứng sau danh từ trung tâm. Ví dụ: "Một cái lọ đựng nước", "Một toà nhà vững chãi",... Sách **Tiếng Việt 3** công nghệ giáo dục, tập 2 (4), sách **Tiếng Việt 3** thực nghiệm mới, tập 1 (5) quan niệm là cụm từ (ngữ), trong đó danh từ đứng sau làm yếu tố chính, danh từ chỉ loại đứng trước làm định ngữ.

Những trường hợp trên, phần lớn giới *Việt ngữ học* quan niệm là *cụm từ*. Mỗi quan hệ giữa ba yếu tố có thể là: a) danh từ đứng sau làm trung tâm, b) danh từ chỉ loại đứng trước làm trung tâm, c) cả hai đều giữ vai trò trung tâm (6). Nhiều nhà nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt xử lí theo giải pháp (b). Giải pháp này cũng tiện lợi cho học sinh tiểu học trong việc phân tích ngữ pháp so với cách xử lí của sách **Tiếng Việt mới** - giải pháp (a).

Hình thành và rèn luyện cho SV năng lực *phát hiện và giải quyết vấn đề*, vào nghề họ sẽ biết cách tìm tòi, tra cứu, xử lí những trường hợp tương tự như trên.

## 2. Về nội dung và kế hoạch đào tạo

Như đã nêu ở trên, CT ĐHSP GDTH, từ phương diện ĐT nghề, cần hình thành cho SV năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, tức là nhấn mạnh *năng lực thực hành*. Điều này đòi hỏi CT có sự

phân phối hợp lí tỉ lệ giữa lí thuyết và thực hành. Theo định hướng của Bộ, tỉ lệ này trong tổng thể của CT sư phạm mới ĐTGV tiểu học là 40/60 (7).

Hiện nay, CT sư phạm được xây dựng để ĐT GV dạy tất cả các môn ở tiểu học. Vì vậy, CT chứa đựng nhiều nội dung và kĩ năng dạy học các môn thuộc những lĩnh vực khoa học khác nhau: Ngữ văn – PPDH Ngữ văn, Toán - PPDH Toán, Mĩ thuật – PPDH Mĩ thuật, Âm nhạc – Phương pháp dạy học Âm nhạc, Đạo đức - PPDH Đạo đức, v.v... Các kĩ năng sư phạm hình thành cho SV vừa đa dạng vừa tỉ mỉ.

Đặc trưng ngành học khiến CT ĐHSP GDTH, một mặt cần đảm bảo khối lượng kiến thức của bậc đại học, mặt khác phải dành nhiều thời gian cho thực hành và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Trong khi đó khung ĐT lại có hạn. CT 1997 có khối lượng 238 đơn vị học trình (ĐVHT). CT khung năm 2000 giảm xuống còn 220 ĐVHT, nhưng lại tăng đầu môn và thời lượng các môn chung. Chẳng hạn, thêm học phần *Tư tưởng Hồ Chí Minh* (3 ĐVHT), *Quản lí hành chính Nhà nước và quản lí ngành* (2 HT), *Triết học* (tăng 1 HT). Sắp tới, có thêm học phần *Giáo dục hoà nhập cho trẻ khuyết tật* nhằm đáp ứng chủ trương mới của giáo dục.

Để giải quyết mâu thuẫn giữa khối lượng kiến thức và khung thời gian, CT cần được xây dựng theo hướng cô đúc, tinh giản lượng kiến thức lí thuyết và tích hợp các nội dung khoa học cho phép.

Nghiên cứu CT 1997 và CT khung 2000 trong mối quan hệ với CT tiểu học, chúng tôi thấy nên tiếp tục điều chỉnh CT khung 2000 về cơ cấu môn học, nội dung, thời lượng của từng học phần (HP) cụ thể. Chẳng hạn:

1) Tích hợp kiến thức và kĩ năng ở HP *Tiếng Việt thực hành* (4 HT) vào các phần *Tiếng Việt*; nội dung của HP *Giáo dục môi trường* (2 HT) vào các phần *Sinh học*, *Địa lí* thuộc HP *Cơ sở tự nhiên và xã hội*; nội dung *Phương pháp giáo dục sức khoẻ* vào các HP *PPDH Tự nhiên và Xã hội*, *PPDH Thể dục*; nội dung HP *Thể dục* (3HT) vào môn *Giáo dục thể chất* và HP *PPDH Thể dục* (Môn *Giáo dục thể chất* có thời lượng 150 tiết, SV thi để nhận chứng chỉ quốc gia, có những nội dung trùng với HP *Thể dục*, như: thể dục nhịp điệu, điền kinh, v.v... Vì vậy, nội dung *Giáo dục thể chất* dạy cho khoa GDTH không đồng nhất với các khoa khác).

2) Có thể tích hợp *Giáo dục học tiểu học*, *Tâm lí học tiểu học* với *Giáo dục học đại cương*, *Tâm lí học đại cương* để tránh những sự trùng lặp?

3) Hai HP *Cơ sở tự nhiên và xã hội* nên trình bày những nội dung thiết thực, sát với yêu cầu của phổ thông thay cho dạy các HP đại cương như CT 1997: *Hoá học đại cương*, *Vật lí đại cương*, *Lịch sử đại cương*,...

4) Nên tăng giờ cho nhóm các HP *PPDH Âm nhạc*, *Mĩ thuật*, *Thể dục*, *Kĩ thuật*, so với CT khung

2000; hoặc làm theo cách của CT ĐSP mới (2): *ghép Âm nhạc và PPDH Âm nhạc*, *Mĩ thuật và PPDH Mĩ thuật*,... để có thể kết hợp dạy PPDH khi cung cấp cho SV kiến thức kiến thức khoa học chuyên ngành.

5) Hiện nay, ngành giáo dục đã có chủ trương giáo dục hoà nhập cho trẻ khuyết tật. Vì vậy, nên đưa vào CT HP *Giáo dục hoà nhập cho trẻ khuyết tật* giúp SV có những hiểu biết ban đầu về trẻ khuyết tật và phương pháp giáo dục hoà nhập cho đối tượng học sinh này. Cũng có thể đưa những nội dung này vào các HP PPDH có liên quan như: *PPDH Tiếng Việt*, *PPDH Toán*, *PPDH Đạo đức*,...

6) Các HP về lí luận dạy học và PPDH bộ môn cần chú ý hơn nữa việc hình thành và rèn luyện cho SV phương pháp tổ chức, chỉ đạo, đánh giá quá trình học tập của học sinh tiểu học. Đặc biệt, nên nghiên cứu đưa vào nội dung CT lí luận dạy học và PPDH "cách dạy phương pháp học cho học sinh" như GS. Trần Bá Hoàng đã nêu (8).

### 3. Về phương pháp đào tạo

Để đạt được mục tiêu, CT ĐHSP GDTH cần thể hiện rõ sự đổi mới về phương pháp ĐT.

CT nên xây dựng theo hướng giảm hình thức diễn giảng của GV, tăng cường hình thức tự học, tự nghiên cứu, trao đổi, tranh luận khoa học trong SV. Nội dung thực hành nên mang tính thiết thực, chú ý giải quyết các vấn đề giáo dục, nội dung dạy học cụ thể thuộc CT, SGK tiểu học, giúp SV đỡ ngỡ ngàng khi đi vào nghề; chẳng hạn cho SV thực hiện các bài thực hành vẽ tranh, hát các bài hát, giải các bài tập toán có yếu tố xác suất,... ở tiểu học.

Cần nghiên cứu thiết kế CT làm sao có thể ứng dụng thành tựu của khoa học, công nghệ hiện đại như công nghệ thông tin vào việc quản lí, truyền thụ tri thức, rèn luyện kĩ năng, kiểm tra đánh giá. CT ĐHSP cũng nên xây dựng theo module, liên thông với CT ĐSP, tạo điều kiện cho GVTH phấn đấu nâng cao trình độ (8).

Nói tóm lại, việc đổi mới CT cần được gắn với sự đổi mới đồng bộ về các mặt quản lí, chỉ đạo, cơ sở vật chất, phát triển đội ngũ giảng viên,... nhằm ĐT có hiệu quả đội ngũ GVTH trình độ cao, đáp ứng yêu cầu phát triển GDTH. □

(1) *Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành*. NXB Chính trị quốc gia, H 2000.

(2) Dự thảo CT khung đào tạo GV tiểu học hệ cao đẳng sư phạm. *Tạp chí Giáo dục*, số 68, 9/2003.

(3) *Tiếng Việt 4*, tập 2. NXB Giáo dục, H 1999.

(4) *Tiếng Việt 3*, tập 2. NXB Giáo dục, H 1999.

(5) *Tiếng Việt 3*, tập 1 (tài liệu thử nghiệm). NXB Giáo dục, H 2000.

(6) Nguyễn Tài Cẩn. *Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại*. NXB Khoa học xã hội. H 1975.

(7) Đặng Huỳnh Mai. Một số định hướng cơ bản cần được quán triệt trong việc xây dựng CT đào tạo GV tiểu học phục vụ nhiệm vụ đổi mới giáo dục phổ thông. *Tạp chí Giáo dục*, số 66, 9/2003.

(8) Trần Bá Hoàng. Đổi mới CT đào tạo GV tiểu học. *Tạp chí Giáo dục*, số 66, 9/2003.